ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÁI NƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 122 /KH-UBND	*Cái Nước, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển đột phá tăng trưởng ngành hàng tôm, cua 06 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn xã Cái Nước

Căn cứ Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc Ban hành Đề án Tăng trưởng ngành hàng tôm tỉnh Cà Mau năm 2026 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 07/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Cà Mau năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 112/KH-SNNMT ngày 22/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc thực hiện kịch bản tăng trưởng GRDP (Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản) quý II và các quý còn lại năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 128/KH-SNNMT ngày 12/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển đột phá ngành hàng tôm, cua 6 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Kế hoạch số 38-KH/ĐU ngày 19/01/2026 của Đảng ủy xã Cái Nước về việc triển khai thực hiện Chương trình số 13-CTr/TU ngày 26/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "hai con số" giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 45-KH/ĐU ngày 19/01/2026 của Đảng ủy xã Cái Nước về triển khai thực hiện Chương trình số 15-CTr/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng mô hình tăng trưởng mới, gắn với tập trung thực hiện bốn trụ cột phát triển kinh tế (về hạ tầng, kinh tế biển, nông nghiệp sạch, dịch vụ - du lịch) hướng đến mục tiêu tăng trưởng hai con số.

Trên cơ sở kết quả tăng trưởng ngành hàng 06 tháng đầu năm 2026 đã đạt được trong lĩnh vực tăng trưởng các ngành hàng chủ lực của xã, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch tăng trưởng của các ngành hàng chủ lực nông nghiệp Khu vực I, 06 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả Thông báo số 5886/SNNMT-KHTC ngày 08/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về Thông báo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Văn Sử tại Hội nghị sơ kết triển khai kế hoạch sản xuất ngành hàng tôm, cua gắn với phát triển kinh tế

tập thể năm 2026; tập trung tháo gỡ khó khăn, khai thác hiệu quả dư địa tăng trưởng, phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu phát triển ngành hàng tôm, cua được giao trong năm 2026.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 22/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cái Nước về việc phát triển sản xuất ngành hàng tôm, cua trên địa bàn xã Cái Nước năm 2025; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cái Nước về việc phát triển 1.883ha diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến đạt năng suất 550kg/ha/năm trên địa bàn xã Cái Nước; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 03/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cái Nước về việc nhân rộng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh tuần hoàn ít thay nước, an toàn sinh học (RAS-IMTA) quy mô 35ha trên địa bàn xã và các kế hoạch, Đề án, Dự án của tỉnh đã triển khai.

Phát huy vai trò của ngành hàng tôm và cua là động lực tăng trưởng chủ lực của Khu vực I trên địa bàn xã; thúc đẩy chuyển đổi tư duy quản lý sản xuất sang quản trị tăng trưởng theo ngành hàng, vùng sản xuất, mô hình sản xuất và kết quả đầu ra; nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu thực tiễn và kết quả sản xuất thực tế.

Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đột phá nhằm phát triển ngành hàng tôm, cua theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; đồng thời thúc đẩy ngành hàng tôm, cua trở thành ngành hàng có giá trị kinh tế cao, từng bước hình thành vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu của xã.

1. Yêu cầu

Các nhiệm vụ, giải pháp phải được triển khai đồng bộ, quyết liệt, bám sát chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế, sản xuất của xã; bảo đảm rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ hiệu quả thực hiện.

Công tác tổ chức thực hiện phải lấy kết quả tăng trưởng thực tế làm thước đo; tập trung vào các chỉ tiêu cụ thể như sản lượng tăng thêm, giá trị tăng thêm, năng suất, diện tích liên kết, diện tích được chứng nhận, vùng nguyên liệu được hình thành, số hợp tác xã hoạt động hiệu quả, số doanh nghiệp tham gia chuỗi liên kết, số cơ sở nuôi trồng thủy sản được quản lý và truy xuất nguồn gốc.

Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị trên địa bàn xã, bao gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong tổ chức sản xuất; phát huy vai trò lãnh đạo của địa phương, vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp và phát huy vai trò hạt nhân của hợp tác xã trong phát triển vùng nguyên liệu và liên kết chuỗi giá trị.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; đồng thời biểu dương, nhân rộng các mô hình hiệu quả tại địa phương, đơn vị, hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ dân trên địa bàn xã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng 06 tháng cuối năm 2026.

II. MỤC TIÊU CHUNG

1. Mục tiêu tăng trưởng ngành hàng tôm

Tập trung khai thác hiệu quả dư địa tăng trưởng từ các mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến, tôm – cua kết hợp; phát triển nuôi tôm siêu thâm canh, nuôi công nghệ cao, mô hình RAS-IMTA và các mô hình nuôi tuần hoàn, an toàn sinh học nhằm hoàn thành mục tiêu sản lượng tôm năm 2026 đạt chỉ tiêu đề ra năm 2026.

Duy trì diện tích nuôi các loại hình nuôi thủy sản trên toàn địa bàn xã đến tháng của xã đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

Tiếp tục phối hợp với các ngành chuyên môn của tỉnh, doanh nghiệp và các ấp để tổ chức nhân rộng các mô hình nuôi tôm sinh thái, tôm hữu cơ, tôm đạt chứng nhận quốc tế có hiệu quả của tỉnh và các địa phương khác; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến, xuất khẩu; từng bước tận dụng các vùng nuôi trồng kém hiệu quả để thay đổi loại hình nuôi, đối tượng nuôi phù hợp nhằm tăng sản lượng, tăng diện tích đủ điều kiện tham gia liên kết sản xuất, được cấp mã số cơ sở nuôi, thực hiện truy xuất nguồn gốc và áp dụng nhật ký điện tử trong quản lý sản xuất.

2. Mục tiêu tăng trưởng ngành hàng tôm, cua

Tập trung phát triển ngành hàng tôm, cua trở thành một trong những ngành hàng có giá trị gia tăng cao và tạo dư địa tăng trưởng mới cho Khu vực I; duy trì ổn định diện tích nuôi cua hiện nay của xã.

Phối hợp với các ngành chuyên môn để tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền về khoa học, kỹ thuật để phát triển vùng nguyên liệu tôm, cua thương phẩm trên địa bàn xã; khuyến khích mở rộng các mô hình nuôi tôm, cua bán thâm canh, mô hình nuôi cua trong hộp, cua lột, cua ứng dụng công nghệ tuần hoàn, công nghệ kiểm soát môi trường nhằm nâng cao năng suất, tỷ lệ sống và giá trị sản phẩm.

Từng bước hình thành các vùng nguyên liệu tôm, cua có liên kết tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc, mã số cơ sở nuôi và tiêu chuẩn chất lượng phù hợp yêu cầu thị trường, thúc đẩy phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ tôm, cua nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và năng lực cạnh tranh của địa phương.

3. Mục tiêu về phát triển kinh tế tập thể và liên kết chuỗi

Rà soát, phân loại toàn bộ các hợp tác xã, tổ hợp tác đủ điều kiện tham gia sản xuất ngành hàng tôm, cua trên địa bàn xã; nhằm xây dựng kế hoạch từng bước được củng cố hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động cho các loại hình kinh tế tập thể hiện nay.

Phối hợp cơ quan chuyên môn và các ấp mở rộng các mô hình liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ giữa người dân, hợp tác xã với doanh nghiệp cung ứng giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, doanh nghiệp chứng nhận, doanh nghiệp thu mua, chế biến và xuất khẩu; phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với chuỗi giá trị.

Phấn đấu nâng cao tỷ lệ diện tích nuôi tôm, cua tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ; tăng diện tích nuôi đạt các tiêu chuẩn chứng nhận phù hợp với yêu cầu thị

trường trong nước và xuất khẩu; nâng cao vai trò của hợp tác xã trong tổ chức sản xuất, quản lý vùng nuôi và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành và quản trị tăng trưởng ngành hàng

Toàn hệ thống chính trị tập trung triển khai Đề án Tăng trưởng ngành hàng tôm tỉnh Cà Mau năm 2026 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 112/KH-SNNMT ngày 22/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc thực hiện kịch bản tăng trưởng GRDP (Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản) quý II và các quý còn lại năm 2026; Kế hoạch số 38-KH/ĐU ngày 19/01/2026 của Đảng ủy xã Cái Nước về việc triển khai thực hiện Chương trình số 13-CTr/TU ngày 26/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "02 con số" giai đoạn 2026 – 2030; Kế hoạch số 45-KH/ĐU ngày 19/01/2026 của Đảng ủy xã Cái Nước về triển khai thực hiện Chương trình số 15-CTr/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng mô hình tăng trưởng mới, gắn với tập trung thực hiện bốn trụ cột phát triển kinh tế (về hạ tầng, kinh tế biển, nông nghiệp sạch, dịch vụ - du lịch) hướng đến mục tiêu tăng trưởng hai con số.

Tập trung đổi mới phương thức sản xuất từ thói quen nuôi truyền thống sang hình thức nuôi có áp dụng khoa học, kỹ thuật một phần hoặc toàn phần. Đổi mới phương pháp quản lý, kiểm tra của các cấp, các ngành nhằm chỉ đạo theo điều kiện thực tế tại địa phương ở từng thời điểm sản xuất, từng loại hình nuôi nhằm kịp thời nhận diện khó khăn, khai thác dư địa để đề ra mục tiêu tăng trưởng và điều chỉnh giải pháp phù hợp.

Tổ chức rà soát, cập nhật thường xuyên diện tích thả nuôi, diện tích cải tạo, diện tích có khả năng tăng vụ, tái vụ, tăng sản lượng thu hoạch, rà soát sản lượng còn dư địa để thực hiện và các nguồn tăng trưởng mới để phục vụ công tác điều hành trên địa bàn xã, bảo đảm đánh giá đúng thực trạng và khả năng hoàn thành mục tiêu về diện tích, sản lượng năm 2026.

Thường xuyên trao đổi, đối thoại trực tiếp với người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ các khó khăn về kỹ thuật, môi trường, thủ tục hành chính, liên kết tiêu thụ và các điều kiện sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tăng trưởng hai con số của xã trong năm 2026.

2. Tổ chức lại sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu và liên kết chuỗi giá trị

Xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với thực tế địa phương theo hướng hình thành các vùng nguyên liệu tập trung đối với ngành hàng tôm và cua gắn với hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp liên kết; lấy vùng nguyên liệu làm nền tảng để triển khai đồng bộ các hoạt động kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận, tiêu thụ và chế biến sản phẩm.

Ưu tiên phát triển các vùng nguyên liệu nuôi tôm quảng canh cải tiến năng suất cao, vùng nuôi thâm canh, siêu thâm canh, nuôi tôm theo hướng hữu cơ, tôm

đạt chứng nhận quốc tế và vùng nguyên liệu cua thương phẩm, cua gạch, cua lột phục vụ chế biến và xuất khẩu. Từng bước hình thành các vùng sản xuất có quy mô đủ lớn, sản xuất đồng bộ theo cùng quy trình kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp thu mua.

Đẩy mạnh liên kết giữa người nuôi, hợp tác xã với doanh nghiệp cung ứng giống, thức ăn, chế phẩm sinh học; doanh nghiệp chứng nhận, doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu; xây dựng cơ chế hợp tác hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro và nâng cao trách nhiệm của các bên tham gia chuỗi giá trị.

3. Phát triển Ngành hàng tôm theo hướng nâng cao năng suất, tăng sản lượng và giá trị gia tăng

Tập trung khai thác hiệu quả dư địa tăng trưởng từ các mô hình nuôi quảng canh cải tiến, nuôi tôm 2 giai đoạn, tôm - cua kết hợp thông qua việc nâng cao tỷ lệ sống, tăng mật độ hợp lý, nâng cỡ thu hoạch và tăng năng suất trên cùng diện tích sản xuất.

Đối với diện tích nuôi siêu thâm canh hiện nay, cần tập trung rà soát diện tích cải tạo, diện tích đủ điều kiện tái thả nuôi, diện tích có khả năng tăng vụ, nuôi nối vụ; hỗ trợ người nuôi áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, nâng cao năng suất, giảm hệ số chuyển đổi thức ăn, tiết kiệm năng lượng và kiểm soát tốt dịch bệnh.

Phát triển diện tích nuôi tôm theo hướng hữu cơ và tôm đạt các chứng nhận quốc tế; phát triển các vùng nguyên liệu liên kết với doanh nghiệp chế biến xuất khẩu nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, ổn định đầu ra và tăng thu nhập cho người nuôi.

Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi tuần hoàn, nuôi nhiều giai đoạn, nuôi tiết kiệm năng lượng, nuôi kết hợp đa loài và các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ mới nhằm tạo dư địa tăng trưởng mới cho ngành hàng tôm.

4. Phát triển ngành hàng cua trở thành động lực tăng trưởng mới

Tập trung phát triển ngành hàng cua theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; khai thác hiệu quả tiềm năng diện tích nuôi kết hợp hiện có để gia tăng sản lượng mà không làm gia tăng áp lực môi trường.

Ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu cua thương phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc, mã số cơ sở nuôi và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh các mô hình nuôi cua bán thâm canh, cua trong hộp, cua lột, cua ứng dụng công nghệ tuần hoàn và các mô hình sản xuất chuyên canh phù hợp với điều kiện của địa phương nhằm nâng cao tỷ lệ sống và giá trị thu được trên đơn vị diện tích.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sơ chế, bảo quản, chế biến sâu đối với sản phẩm cua; phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ cua nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào tiêu thụ cua sống và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

5. Quản lý môi trường, phòng chống dịch bệnh, thủy lợi và bảo đảm điều kiện sản xuất phục vụ tăng trưởng

Chủ động phối hợp với các đơn vị chuyên môn các cấp kiểm soát các yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng ngành hàng tôm, cua; theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thời tiết, nguồn nước, độ mặn, các yếu tố thủy lý, thủy hóa và nguy cơ phát sinh dịch bệnh trên thủy sản nuôi để kịp thời khuyến cáo người dân điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

Tăng cường giám sát dịch bệnh trên động vật thủy sản tại các vùng nuôi siêu thâm canh và vùng nuôi tập trung; có kế hoạch kiểm tra để chủ động phát hiện sớm, khoanh vùng và xử lý kịp thời các nguy cơ phát sinh dịch bệnh nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại trong sản xuất của người dân.

Rà soát, nâng cấp hạ tầng giao thông, điện phục vụ sản xuất như hệ thống thủy lợi, điện 3 pha, giao thông nội vùng, ao lắng, ao xử lý nước thải; ưu tiên đề xuất các giải pháp khắc phục trước mắt và xây dựng lộ trình đầu tư, nâng cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và khai thác hiệu quả dư địa tăng trưởng của ngành hàng tôm, cua.

6. Tổ chức các hội nghị chuyên đề nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, thúc đẩy tăng trưởng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả

Trọng tâm tổ chức các hội nghị chuyên đề về phát triển kinh tế tập thể và liên kết chuỗi giá trị; phát triển ngành hàng tôm, cua; đẩy nhanh tiến độ triển khai mô hình RAS-IMTA và các mô hình nuôi công nghệ cao; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu; chuyển đổi số và truy xuất nguồn gốc trong nuôi trồng thủy sản.

Thông qua các hội nghị chuyên đề để đánh giá đầy đủ hiện trạng, xác định rõ nguyên nhân, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp và lộ trình triển khai; đồng thời huy động sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà khoa học và các địa phương nhằm tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện, thúc đẩy nhân rộng các mô hình hiệu quả và hình thành các chuỗi liên kết bền vững.

7. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, thu hút doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi giá trị và nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm

Khuyến khích các doanh nghiệp có năng lực về thị trường, tài chính, khoa học công nghệ và chế biến tham gia dẫn dắt chuỗi giá trị ngành hàng tôm, cua; tăng cường liên kết với hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân trong cung ứng vật tư đầu vào, chuyển giao kỹ thuật, chứng nhận chất lượng, thu mua và tiêu thụ sản phẩm.

Đồng thời, thúc đẩy đầu tư vào các khâu sơ chế, bảo quản, kho lạnh và chế biến sâu, nhất là đối với ngành hàng cua; từng bước nâng cao tỷ lệ sản phẩm giá trị gia tăng, giảm phụ thuộc vào tiêu thụ nguyên liệu thô, mở rộng khả năng tiếp cận các phân khúc thị trường có giá trị cao và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm thủy sản địa phương.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và phát động phong trào thi đua tăng trưởng

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ tăng trưởng tại địa phương, vùng sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp và các mô hình trọng điểm;

tập trung đánh giá thực chất kết quả sản xuất, hiệu quả các giải pháp đã triển khai và khả năng hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

Việc đánh giá kết quả thực hiện phải gắn với các chỉ tiêu cụ thể như sản lượng tăng thêm, giá trị tăng thêm, diện tích tham gia liên kết, diện tích được chứng nhận, diện tích vùng nguyên liệu, số hợp tác xã được củng cố, số mô hình được nhân rộng, số cơ sở nuôi được quản lý, truy xuất nguồn gốc và mức giảm thiểu thiệt hại do môi trường, dịch bệnh.

Tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng ngành hàng tôm, cua gắn với phát triển kinh tế tập thể; kịp thời biểu dương, khen thưởng các địa phương, hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác, hộ dân và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt; nguồn kinh phí sự nghiệp của đơn vị; nguồn xã hội hóa, nguồn vốn doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Phối hợp với các ngành, cơ quan, đơn vị và các ấp trong việc quản lý nhà nước; tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổng hợp báo cáo của các đơn vị, báo kết quả định kỳ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Chi cục Thủy sản đối với ngành hàng tôm), Trung tâm Khuyến nông (đối với ngành hàng cua).

Phối hợp với Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu, chứng nhận, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, chế biến, xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tôm, cua.

2. Trung tâm Công ích xã

Phối hợp với Chi cục Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông tỉnh trong giám sát, phòng, chống dịch bệnh thủy sản trên địa bàn xã; hướng dẫn người nuôi thực hiện các biện pháp phòng bệnh chủ động, an toàn sinh học, xử lý ổ dịch và hạn chế lây lan dịch bệnh trong vùng nuôi. Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân và người dân việc sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất, chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản; tuyên truyền, hướng dẫn người dân không sử dụng hóa chất, kháng sinh cấm, sử dụng vật tư đầu vào đúng quy định nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc, chứng nhận, tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục rà soát dư địa tăng trưởng ngành hàng tôm, cua; hướng dẫn kỹ thuật tăng năng suất tôm quảng canh cải tiến, phát triển tôm thâm canh, siêu thâm canh, RAS-IMTA, nuôi tôm công nghệ cao, phát triển vùng nguyên liệu cua, mô hình

cua thâm canh, cua lột, cua tuần hoàn. Theo dõi, nắm tình hình dịch bệnh trên tôm, cua và các đối tượng thủy sản nuôi; các giải pháp xử lý khi phát sinh dịch bệnh, nhất là tại các vùng nuôi thâm canh, siêu thâm canh, vùng nuôi mật độ cao, vùng nuôi tập trung và các mô hình RAS-IMTA.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn, hội thảo đầu bờ đối với các mô hình tăng năng suất tôm quảng canh cải tiến, nuôi tôm tuần hoàn RAS-IMTA, nuôi tôm an toàn sinh học, nuôi cua và các mô hình sản xuất hiệu quả.

Phân công cán bộ phụ trách nhập liệu kết quả thực hiện ngành hàng chủ lực Khu vực I, hàng tháng trên hệ thống báo cáo của tỉnh đúng quy định.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã

Phối hợp các cơ quan, đơn vị và các ấp tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện các mô hình sản xuất, chuyển đổi, liên kết chuỗi.

Theo dõi, phản ánh những khó khăn, đề xuất giải pháp triển khai thực hiện phù hợp với thực tế địa phương.

4. Các ấp trên địa bàn xã

Thực hiện triển khai Kế hoạch này đến người dân trên địa bàn để nắm và thực hiện.

Chủ động hướng dẫn người dân tổ chức sản xuất đúng lịch mùa vụ, đúng kỹ thuật theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn xã.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện kế hoạch ngành hàng chủ lực và các kế hoạch tăng trưởng của xã đã ban hành; tăng cường kê khai sản xuất ban đầu đạt kết quả cao nhất theo kế hoạch đã đề ra.

5. Hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và người nuôi

Tuân thủ các quy định về kiểm soát chất lượng hàng hoá, dịch vụ khi tham gia chuỗi cung ứng, liên kết; cam kết tuân thủ các quy định về biên bản ghi nhớ, hợp đồng thu mua, tiêu thụ sản phẩm; đồng hành cùng THT, HTX sản xuất ngành hàng tôm, cua trên địa bàn xã theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi, lợi ích hài hoà, chia sẻ rủi ro.

Chủ động phối hợp với Trung tâm Công ích xã, các phòng, ban, ngành và các đơn vị liên quan để tham gia các mô hình sản xuất.

Thực hiện sản xuất theo đúng hướng dẫn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Chủ động tổ chức sản xuất theo kế hoạch, tuân thủ quy trình kỹ thuật, lịch thời vụ, quy định về môi trường, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phòng chống dịch bệnh.

Tích cực tham gia liên kết sản xuất, chứng nhận, mã số cơ sở nuôi, nhật ký sản xuất, chuyển đổi số và các mô hình tăng trưởng ngành hàng tôm, cua; phối hợp với cơ quan chuyên môn trong cung cấp thông tin, thống kê sản xuất, đánh giá hiệu quả mô hình và nhân rộng các mô hình có hiệu quả *(kèm theo các phụ lục)*.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Kết quả thực hiện định kỳ hằng tháng của các đơn vị gửi về Ủy ban nhân dân xã trước ngày 15 hằng tháng qua Trung tâm Công ích xã để tổng hợp, báo cáo về Ủy ban nhân dân xã đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện, có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp báo cáo và đề xuất kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chi cục Thủy sản tỉnh (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh (b/c);
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- UBMTTQVN xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Công ích xã;
- Trưởng ấp các ấp;
- LĐVP
- Lưu: VT, PKT (Q).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nghiêm Thanh Miền

Phụ lục 1

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH HÀNG NUÔI TÔM, CUA 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 122 /KH- UBND ngày 05 /8/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cái Nước)

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm/kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Điều hành tăng trưởng ngành hàng tôm, cua	Rà soát dư địa tăng trưởng; xây dựng kịch bản sản lượng theo từng địa phương, mô hình sản xuất	Kế hoạch	Thường xuyên	Phòng Kinh tế,	Trung tâm Công ích xã, Trưởng các ấp.
3	Kế hoạch tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2026 của địa phương	Phối hợp, hướng dẫn xây dựng kế hoạch tăng trưởng của xã theo nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ nguồn lực"	100% theo kế hoạch thực hiện	Tháng 8/2026	Phòng Kinh tế	Trung tâm Công ích xã; Các ngành và Trưởng các ấp.
4	Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện tăng trưởng	Cập nhật tiến độ thực hiện hàng tháng	Báo cáo tháng, quý	Thường xuyên	Phòng Kinh tế	Trung tâm Công ích xã; Các ngành và Trưởng các ấp.

5	Phát triển tôm QCCT năng suất cao	Tăng năng suất, tỷ lệ sống, kích cỡ thu hoạch	Nâng năng suất vùng đăng ký	Quý III-IV	Trung tâm Công ích xã	Phòng Kinh tế, Trưởng các ấp.
6	Phát triển vùng nguyên liệu tôm liên kết theo hướng hữu cơ, chứng nhận	ASC, BAP, Organic, Naturland, Selva Shrimp	Tăng diện tích liên kết và sản lượng đạt chứng nhận	Quý III-IV	Trung tâm Công ích xã	Phòng Kinh tế, Các ấp; Doanh nghiệp; HTX trên địa bàn xã
7	Phát triển nuôi tôm thâm canh, siêu thâm canh; Phát triển mô hình RAS-IMTA	Tái thả giống, tăng vụ, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến; Nhân rộng mô hình, kết nối doanh nghiệp cùng đồng hành	Tăng sản lượng tôm TC, STC	Quý III-IV	Trung tâm Công ích xã	Phòng Kinh tế, Các ấp.
8	Phát triển kinh tế tập thể ngành hàng tôm, cua	Củng cố HTX, THT, phát triển HTX vùng nguyên liệu	Củng cố hoặc thành lập mới 01 HTX	Quý III-IV	Phòng Kinh tế	Trung tâm Công ích xã; các ngành đoàn thể xã; Doanh nghiệp; HTX trên địa bàn xã
9	Kiểm tra, giám sát, thi đua và khen thưởng	Kiểm tra thực tế; đánh giá kết quả; tổ chức thi đua khen thưởng	Báo cáo kiểm tra; hồ sơ khen thưởng; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	Thường xuyên và cuối năm 2026	Phòng Kinh tế	Trung tâm Công ích xã; các ấp; Doanh nghiệp; HTX trên địa bàn xã

Phụ lục 2

DỰ ĐỊA PHÁT TRIỂN NGÀNH HÀNG NUÔI TÔM, CUA 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 122/KH- UBND ngày 05/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cái Nước)

TT	Sản phẩm	Chỉ tiêu diện tích giao (ha)/ thể tích (m^3)	Chỉ tiêu sản lượng giao (tấn)	Sản lượng thực hiện (tấn)		Ghi chú
				Sản lượng 6 tháng đầu năm	Ước sản lượng 6 tháng cuối năm	
I	**Ngành hàng chủ lực**					
1	**Ngành hàng tôm**	**6.508**	13.350	**8.486**	**4.000**	
1.1	*Tôm thẻ chân trắng*	253		1.953,60	1.800	Loại hình nuôi tôm STC
1.2	*Tôm sú*	5.169		6.423,80	2.000	Loại hình nuôi QCCT và QCCT 02 giai đoạn
1.3	Tôm khác	1.086		108,6	200	Chủ yếu các loại tôm có trong tự nhiện (bạc, đất, chì, thẻ đuôi đỏ,…)
2	**Cua**	6.255		226	420	Nuôi xen canh trong vuông tôm
3	**Sò huyết**	2.602		3.152	2.500	Nuôi xen canh trong vuông tôm
4	**Hàu**	2,5		20	20	4 hộ nuôi trên sông
5	**Thủy sản khác (có giá trị hoặc sản lượng lớn)**	6.255,00		2.727,10	3.000	Cá phi, đối, nâu, ngát… nuôi kết hợp vuông QCCT
	Tổng			**14.611,1**	**9.940**	

Ghi chú: Tổng diện tích NTTS toàn xã: 6.514 ha (theo chỉ tiêu tỉnh giao). Trong đó có 6 ha nuôi cá trong ao nhỏ, lẻ (cá tra, trê, rô, lóc,…) nên không đưa vào phụ lục này.